

# BÀI TẬP THỰC HÀNH MÔN *PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG WEB*

## 1. Dùng Notepad++ tạo trang web tĩnh

1. Tạo trang web gồm các thông tin như trong bảng điểm cá nhân:

**Trường ĐH Khoa học Tự nhiên**  
***Khoa Toán – Cơ – Tin học***  
\*\*\*\*\*

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  
***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***  
\*\*\*\*\*

### BẢNG ĐIỂM

- *Họ và tên:* Nguyễn Thị Mai Hương
- *Ngày sinh:* 08-11-1994
- *Quê quán:* Hà Nội
- *Giới tính:* Nữ
- *Khoá học:* 2011-2015

Stt	Tên môn	Số tín chỉ	Điểm L1	Điểm L2	Ghi chú
1					
2					

*Người sao điểm* **TL. Hiệu trưởng**  
*Trưởng phòng Đào tạo*

2. Tạo trang web chứa các thông tin như trong CV cá nhân, bao gồm Thông tin chung: Họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, giới tính, ảnh, địa chỉ liên hệ; đào tạo: học vấn (Cao đẳng, Cử nhân, Thạc sỹ, Tiến sỹ), ngoại ngữ (Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Khác); sở thích (Du lịch, Đọc sách, Xem phim, Đá bóng, Tennis, Golf, Khác); ghi chú.
3. Tạo trang web cá nhân gồm thông tin chung: Họ và tên (Textbox), ngày sinh (Dùng Selectbox chọn một giá trị ngày, tháng, năm), nơi sinh (Selectbox, chọn trong danh sách các tỉnh), giới tính (Radiobox: Nam, Nữ), ảnh (Image), địa chỉ liên hệ; đào tạo: học vấn (Selectbox, chọn một trong số: Cao đẳng, Cử nhân, Thạc sỹ, Tiến sỹ), ngoại ngữ đã biết (Checkbox: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Khác); sở thích (Selectbox, chọn một hay nhiều trong số: Du lịch, Đọc sách, Xem phim, Đá bóng, Tennis, Golf, Khác); ghi chú (TextArea).

## 2. JavaScript

1. Tạo trang web gồm 1 hộp textbox và một nút button. Khi bấm nút button thì thông báo bằng alert nội dung có trong hộp textbox (và/hoặc in nội dung đó lên trang web hiện tại/trang mới).
2. Tạo trang web gồm 2 hộp textbox và một nút button có tên là Copy. Khi bấm nút Copy thì copy nội dung của hộp textbox thứ nhất sang hộp textbox thứ 2.

3. Tạo trang web gồm 2 hộp textbox (hộp 2 không cho gõ vào) và một nút Button có tên là Close. Khi gõ nội dung của hộp textbox thứ nhất thì hộp textbox thứ 2 chứa số ký tự đang có ở textbox thứ nhất. Khi bấm nút Close thì đóng trang web.
4. Tạo trang web có giao diện như bài 3 Phần 1. Viết script đọc các nội dung được nhập trong form khai báo.
5. Viết đoạn code sinh ra trang web có nội dung và giao diện như trang web ở bài 3 Phần 1 và một nút Close. Khi bấm nút Close thì đóng trang web lại.
6. Tạo trang web có giao diện như dưới đây.
  - Viết hàm thêm một mục vào cuối hộp Selectbox *Danh sách từ*, xoá một mục thứ *i* trong Selectbox *Danh sách từ*, kiểm tra một xâu có trong *Danh sách từ* không (trả lại vị trí nếu có, 0 nếu không có).
  - Khi nhập một từ tiếng Anh vào trong ô textbox *Nhập một từ tiếng Anh* và bấm nút **Kiểm tra**, thực hiện kiểm tra xem từ đó có trong hộp *Danh sách từ* không, nếu không có thì thêm vào, nếu có thì báo đó là mục số mấy và hỏi có xóa mục đó trong danh sách không, nếu trả lời có thì xóa mục đó, nếu không thì bỏ qua.

The image shows a web form with a double border. On the left, there is a label "Nhập một từ tiếng Anh" above a text input field containing the word "hello". Below the input field is a button labeled "Kiểm tra". On the right, there is a label "Danh sách từ" above a larger text area, also containing the word "hello".

7. Tạo trang web có giao diện như dưới đây. Sau khi nhập Username và Password vào trong hai ô textbox tương ứng, bấm nút **Kiểm tra** sẽ thực hiện kiểm tra xem nếu *Username* là Administrator, *Password* là Admin thì thông báo là đúng, trái lại thì thông báo là sai. Nếu nhập sai quá 3 lần thì disable hai ô Username và Password.

Username

Password

Kiểm tra

8. Tạo trang web có giao diện như dưới đây. Sau khi cho người dùng chọn, bấm nút **Kiểm tra** sẽ thông báo danh sách các *Sở thích* và *Ngôn ngữ yêu thích nhất*. Lưu ý chỉ được chọn 1 ngôn ngữ yêu thích nhất và không chọn quá 3 sở thích. Nếu chọn quá 3 sở thích thì thông báo và không cho chọn quá 3.

Sở thích

Đá bóng ☐ Đá cầu ☐ Tennis ☐ Cầu lông ☐ Bóng bàn ☐

Ngôn ngữ yêu thích nhất

Tiếng Anh ☒ Tiếng Pháp ☐ Tiếng Đức ☐ Tiếng Trung ☐ Tiếng Nga ☐

Kiểm tra

9. Tạo trang web có giao diện như dưới đây. Trong ô Selectbox bên trái nhập sẵn 10 từ tiếng Anh và một dòng ghi (Hãy chọn một từ): từ lưu trong trường innerText và nghĩa của từ thì lưu trong trường value. Mục (Hãy chọn một từ) được chọn mặc định và có value là rỗng. Khi chọn một từ ở hộp Selectbox *Chọn một từ tiếng Anh* và bấm nút **Kiểm tra** sẽ thực hiện việc tra nghĩa và ghi nghĩa này vào hộp textarea *Giải nghĩa*. Thông báo nếu không chọn từ mà đã bấm Kiểm tra.

Chọn một từ tiếng Anh

Giải nghĩa

Hello

Kiểm tra

10. Tạo trang web có giao diện như dưới đây. Trong Selectbox *Danh sách từ* nhập sẵn 10 từ tiếng Anh: **từ lưu trong trường text** và nghĩa thì lưu trong trường value. Trong Selectbox *Danh sách nghĩa* nhập 10 từ tiếng Anh như *Danh sách từ* nhưng nghĩa lưu trong trường innerText và **từ thì lưu trong trường value**. Khi chọn một từ ở *Danh sách từ* thì nghĩa tương ứng ở *Danh sách nghĩa* sẽ được chọn và ngược lại, chọn một từ ở *Danh sách nghĩa* thì từ tương ứng ở *Danh sách từ* sẽ được chọn. Bấm nút **Đóng** sẽ đóng cửa sổ lại.

The screenshot shows a window with two side-by-side select boxes. The left box is titled "Danh sách từ" and the right box is titled "Danh sách nghĩa". Both boxes are empty, indicating they are select boxes with options that are not currently visible. At the bottom right of the window is a button labeled "Đóng".

11. Tạo trang web có giao diện như dưới đây. Người dùng chọn tick sở thích bên trái, tick sở thích nào thì thêm tên sở thích đó, bỏ sở thích nào thì xóa sở thích đó ở danh sách bên phải. Khi bấm nút **Thêm cả** sẽ thực hiện việc thêm toàn bộ danh sách sở thích vào danh sách bên phải.

The screenshot shows a window with a list of hobbies on the left and a large select box on the right. The list of hobbies is titled "Sở thích" and includes five items, each with a checkbox: "Đá bóng", "Đá cầu", "Tenis", "Cầu lông", and "Bóng bàn". Below the list is a button labeled "Thêm cả". The select box on the right is empty, indicating it is a select box with options that are not currently visible.

12. Tạo trang web có giao diện như dưới đây. Cho người dùng chọn một hoặc nhiều sở thích bên trái, sau khi bấm nút **Thêm** sẽ thêm các mục được chọn sang danh sách bên phải, nếu bấm **Thêm cả** sẽ thực hiện việc thêm toàn bộ danh sách bên trái vào danh sách bên phải. Nếu chọn sở thích đã thêm thì xóa sở thích đó ở danh sách bên phải.

*Sở thích*

Đá bóng Đá cầu Tennis Cầu lông Bóng bàn Thể dục dụng cụ Đua xe	
--	--

Thêm      Thêm cả

13. Tạo trang web có giao diện như dưới đây. Danh sách bên trái chứa 10 họ tên đầy đủ. Khi chọn một số họ tên ở danh sách bên trái và bấm nút **Lọc tên** sẽ tách phần Tên của từng người đưa vào danh sách bên phải. Các tên đã có thì không thêm nữa. Nếu chọn các tên ở danh sách bên phải và bấm **Xóa tên** thì xóa tên đó khỏi danh sách bên phải.

Họ và tên	Tên
Nguyễn Thị Vân Anh Lê Văn Nam Hoàng Lê Minh Võ Thị Nguyệt Anh Hoàng Long Nguyễn Quang A	

Lọc tên      Xóa tên

14. Có giao diện như dưới đây. Nhập một xâu chữ vào ô Textbox và bấm **Đếm** sẽ đếm xem xâu chữ đó xuất hiện bao nhiêu lần ở văn bản trong ô textarea bên phải.

Từ	Văn bản
<input type="text"/>	<div></div>
Đếm	

15. Có giao diện như dưới đây. Thực hiện chức năng cộng, trừ, nhân, chia, các số giống như máy tính bấm tay. Nút C là xóa 1 số bấm cuối cùng, nút Xóa là xóa

toàn bộ, nút = là in ra kết quả. Gợi ý, dùng một điều khiển textbox ẩn lưu kết quả bước trước.

The image shows a calculator interface. At the top is a horizontal display box. Below it is a grid of buttons. The first row contains buttons for digits 9, 8, 7, a plus sign (+), and a button labeled 'C'. The second row contains buttons for digits 6, 5, 4, a minus sign (-), and a button labeled 'Xóa'. The third row contains buttons for digits 3, 2, 1, a multiplication sign (\*), and a button labeled '='. The fourth row contains buttons for a negative/positive sign (-/+), digit 0, a decimal point (.), a division sign (/), and an empty button.

### 3. PHP

1. Tạo trang web gồm 1 hộp textbox và một nút button/submit. Khi bấm nút thì in lên trang web nội dung có trong hộp textbox. Lưu ý trang được gọi phía Server Script (trong action="") phải có đuôi là PHP.
2. Tạo trang web cá nhân gồm thông tin như Bài 3 phần 1 và một nút Submit. Viết trang PHP đọc lại thông tin được gửi lên máy chủ khi bấm nút Submit trong hai tình huống form là POST và GET.
3. Tạo CSDL Test với bảng Users gồm 2 trường ID Username (varchar(128) COLLATE utf8\_unicode\_ci NOT NULL), Password (varchar(32) COLLATE utf8\_unicode\_ci NOT NULL). Viết các trang web phục vụ việc đọc, thêm, sửa, xóa trên bảng này.